TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 02 – 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn.
2. Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 363/2024/TLST - HNGĐ ngày 02/12/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Mộng T, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp Tân T, xã Phú T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lâm Văn M, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp Tân T, xã Phú T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Mộng T và anh Lâm Văn M tự nguyện chung sống với nhau năm 2007 nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2018, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hòa hợp dẫn đến bất đồng ý kiến, quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra cự cải với nhau, từ đó đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc và cả hai đã sống ly thân từ 03 tháng nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện cả hai không còn tình cảm với nhau, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M, riêng anh M cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung, chị Lê Mộng T và anh Lâm Văn M khai có hai người con là Lâm Vỹ Tường, sinh ngày 20/01/2008 và Lâm Vỹ Văn, sinh ngày 03/01/2010. Khi ly hôn, anh M và chị T thỏa thuận thống nhất giao cháu Văn cho anh M nuôi và giao

cháu Tường cho chị T nuôi và anh, chị không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu Văn cũng có nguyện vọng được chung sống với anh M, cháu Tường có nguyện vọng chung sống với chị T.

Về tài sản chung, chị T xác định giữa chị và anh M tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng anh M khai nhận, giữa anh với chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung, anh M và chị T khai không có.

Đồng thời, chị Lê Mộng T (nguyên đơn) có đơn yêu cầu không mở phiên họp hòa giải và yêu cầu giải quyết vắng mặt với lý do hiện chị đang làm thuê tại Bình Dương, điều kiện công việc cũng như đi lại khó khăn. Đối với anh Lâm Văn M (bị đơn), đã có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và xin vắng mặt trong các lần Tòa án xét xử vụ án với lý do bận công việc mua bán nên không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn cùng bị đơn đã có lời khai và có yêu cầu xin hòa giải, xét xử vắng mặt với lý do bận công việc làm ăn nên không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của các đương sự.

[2] Về hôn nhân, các đương sự chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét mâu thuẫn thực tế được các đương sự thừa nhận là có thật và cũng chính từ mâu thuẫn nêu trên mà các đương sự không còn tình cảm và không chung sống với nhau từ 03 tháng nay, hiện nguyên đơn cũng đang sinh sống và làm việc ở tỉnh Bình Dương còn bị đơn sinh sống tại ấp Tân Thành, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau - Mỗi người sống một nơi, cuộc sống nạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai nên có căn cứ để nhận định rằng tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay các đương sự cùng thống nhất thuận tình ly hôn là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về con chung là Lâm Vỹ Tường, sinh ngày 20/01/2008 và Lâm Vỹ Văn, sinh ngày 03/01/2010. Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận thống nhất giao cháu Văn cho bị đơn nuôi và giao cháu Tường cho nguyên đơn nuôi và không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu Văn cũng có nguyện vọng được chung sống với bị đơn, cháu Tường có nguyện vọng chung sống với nguyên đơn.

Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của các con nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tuy các đương sự trình bày không thống nhất với nhau nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Mộng T về việc xin ly hôn anh Lâm Văn M.

- Về con chung là Lâm Vỹ Tường, sinh ngày 20/01/2008 và Lâm Vỹ Văn, sinh ngày 03/01/2010. Khi ly hôn, giao cháu Lâm Vỹ Văn cho anh Lâm Văn M và giao cháu Lâm Vỹ Tường cho chị Lê Mộng T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh M, chị không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh M, chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, chị Lê Mộng T và anh Lâm Văn M không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung, chị Lê Mộng T và anh Lâm Văn M khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Lê Mộng T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 02/12/2024, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003594 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Phú T, H. Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân